

Bản án số: 59/2017/HSPT
Ngày 10 - 8 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Kim Anh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Biều

Ông Trần Đình Hiền

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Đông Hà, cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Vũ Đức Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 48/2017/HSPT ngày 02/6/2017 đối với các bị cáo Trần Ngọc N, Nguyễn Như T, Lê Văn S, Sa Văn H, Nguyễn Ngọc T, Đinh Văn L, Nguyễn Văn T, Đinh Văn H1, Đinh Văn H2, Sa Văn C. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 13/2017/HSST ngày 12/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên.

**** Các bị cáo kháng cáo:***

1. Trần Ngọc N, sinh năm 1982; nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã V, huyện Y, tỉnh Yên Bái; chỗ ở: Thôn M, thị trấn Q, huyện V, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 7/12; con ông Trần Ngọc K (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Nguyễn Anh P và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 29/9/2016 đến ngày 08/10/2016 được thay thế biện pháp ngăn chặn; bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Nguyễn Như T, sinh năm 1982; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn M, thị trấn Q, huyện V, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 9/12; con ông Nguyễn Như T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Trần Thị S và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 29/9/2016 đến ngày 08/10/2016 được thay thế biện pháp ngăn chặn; bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. Lê Văn S, sinh năm 1983; nơi đăng ký HKTT: Thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Yên Bái; chỗ ở: Thôn M, thị trấn Q, huyện V, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 5/12; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; có vợ

là Nguyễn Thị T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 29/9/2016 đến ngày 08/10/2016 được thay thế biện pháp ngăn chặn; bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. Sa Văn H, sinh năm 1994; nơi đăng ký HKTT: Bản P, xã X, huyện P, tỉnh Sơn La; chỗ ở: Thôn M, thị trấn Q, huyện V, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 9/12; con ông Sa Văn T và bà Đinh Thị G; có vợ là Đinh Thị B và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 29/9/2016 đến ngày 08/10/2016 được thay thế biện pháp ngăn chặn; bị cáo tại ngoại (có mặt).

5. Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1994; nơi đăng ký HKTT: Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai; chỗ ở: Thôn M, thị trấn Q, huyện V, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 9/12; con ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị H; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 29/9/2016 đến ngày 08/10/2016 được thay thế biện pháp ngăn chặn; bị cáo tại ngoại (có mặt).

6. Đinh Văn L, sinh năm 1979; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Bản L, xã H, huyện Y, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: không biết chữ; con ông Đinh Văn M (đã chết) và bà Đinh Thị T; có vợ là Sa Thị N và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 29/9/2016 đến ngày 08/10/2016 được thay thế biện pháp ngăn chặn; bị cáo tại ngoại (có mặt).

7. Nguyễn Văn T, sinh năm 1998; nơi đăng ký HKTT: Bản L, xã H, huyện Y, tỉnh Sơn La; chỗ ở: Thôn M, thị trấn Q, huyện V, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Nguyễn Văn H và bà Hà Thị T; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 29/9/2016 đến ngày 08/10/2016 được thay thế biện pháp ngăn chặn; bị cáo tại ngoại (có mặt).

8. Đinh Văn H1, sinh năm 1992; nơi đăng ký HKTT: Bản K, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La; chỗ ở: Thôn M, thị trấn Q, huyện V, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 9/12; con ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị Đ; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 29/9/2016 đến ngày 08/10/2016 được thay thế biện pháp ngăn chặn; bị cáo tại ngoại (có mặt).

9. Đinh Văn H2, sinh năm 1997; nơi đăng ký HKTT: Bản B, xã E, huyện Y, tỉnh Sơn La; chỗ ở: Thôn M, thị trấn Q, huyện V, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 9/12; con ông Đinh Văn S (đã chết) và bà Sa Thị P; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 29/9/2016 đến ngày 08/10/2016 được thay thế biện pháp ngăn chặn; bị cáo tại ngoại (có mặt).

10. Sa Văn C, sinh năm 1989; nơi đăng ký HKTT: Bản T, xã G, huyện Y, tỉnh Sơn La; chỗ ở: Thôn M, thị trấn Q, huyện V, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 9/12; con ông Sa Ngọc T và bà Hà Thị N; có vợ là Đinh Thị N và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 29/9/2016 đến ngày 08/10/2016 được thay thế biện pháp ngăn chặn; bị cáo tại ngoại (có mặt).

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 29/9/2016, Trần Ngọc N, Nguyễn Như T, Lê Văn S, Sa Văn H đi bộ đến khu lán trọ dành cho công nhân bốc vác của gia đình anh Nguyễn Như T ở thôn M, thị trấn Q, huyện V ngồi chơi, uống nước. Sau đó N, T, S và H rủ nhau cùng đánh bạc dưới hình thức chơi xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền. N xuống bếp của gia đình anh T lấy 01 bát sứ và 01 đĩa sứ mang lên dây phản gỗ trong lán trọ, còn H nhặt 01 vỏ bao thuốc lá Vinataba ở nền nhà và lấy 01 chiếc kéo có sẵn ở trong lán đưa cho T, T cắt 04 quân vị hình tròn có một mặt màu trắng, một mặt màu vàng, rồi cả 4 người ngồi chơi. Sau đó có thêm Nguyễn Ngọc T, Đinh Văn H2, Đinh Văn H1, Hà Xuân H, Sa Văn C, Sòng A C1, Nguyễn Văn T, Đinh Văn L, Nguyễn Lương B và một số đối tượng không rõ tên, địa chỉ cũng đến lán và cùng tham gia đánh bạc. Hình thức chơi quy định như sau: N là người xóc cái sẽ cầm 04 quân vị cho vào đĩa, úp bát lên, cầm hai tay xóc lên xóc xuống, người đánh bạc đặt tiền ở hai cửa chắn và lẻ. Sau khi người đánh bạc đặt tiền xong, người xóc cái sẽ mở bát, nếu trên đĩa có 2 quân màu trắng, 2 quân màu vàng hoặc cả 4 quân đều màu trắng (hay vàng) thì là chắn, nếu có 3 quân cùng màu trắng (hoặc vàng) và quân còn lại khác màu thì là lẻ. Nếu chắn thì những người đặt tiền cửa chắn thắng, người xóc cái phải trả cho người thắng bằng đúng số tiền người đó đã đặt, còn người đặt tiền ở cửa lẻ sẽ bị mất số tiền đã đặt cho người xóc cái. Nếu lẻ thì người đặt bên cửa lẻ thắng, người xóc cái sẽ thua và phải trả tiền cho người đánh cửa lẻ, còn người đặt tiền ở cửa chắn sẽ bị mất số tiền đã đặt cho người xóc cái. Quy định lúc đầu đặt thấp nhất 10.000đ nhưng sau khi có đông người vào tham gia đánh bạc thì quy định đặt thấp nhất là 50.000đ, cao không giới hạn. Lúc này trong lán có anh Lê Kim T nằm ngủ gần vị trí đánh bạc. Trước khi đánh bạc N có 1.000.000đ, T có 900.000đ, S có 800.000đ, H có 250.000đ, T có 1.500.000đ, C có 10.000đ, H có 450.000đ, T có 370.000đ, C có 30.000đ, L có 500.000đ, H2 có 20.000đ, H1 có 350.000đ và đều sử dụng tất cả số tiền có trong người vào việc đánh bạc. Đến khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V phát hiện bắt quả tang N, T, S, T, H2, H1, H, H, C, C1, T, L, còn B và một số đối tượng khác bỏ chạy thoát, Cơ quan điều tra xác minh xử lý sau. Vật chứng thu giữ: Thu tại chiếu bạc số tiền 5.750.000đ, 01 bộ bát đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn, 01 chiếu nhựa; thu trên người N 700.000đ, T 300.000đ, S 400.000đ đều là tiền sử dụng vào việc đánh bạc.

Khi các đối tượng đánh bạc tại lán trọ thì anh T và gia đình không ai ở nhà và không biết việc các đối tượng đánh bạc; 01 bát sứ, đĩa sứ và 01 chiếu nhựa là tài sản của anh T, anh T xác định đã cũ không yêu cầu gì. Anh Lê Kim T không tham gia đánh bạc nên không xử lý.

Bản án số 13/2017/HSST ngày 12/4/2017, Tòa án nhân dân huyện V quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc N, Nguyễn Như T, Lê Văn S, Nguyễn Ngọc T, Đinh Văn H2, Đinh Văn H1, Sa Văn H, Sa Văn C, Nguyễn Văn T, Đinh Văn L đều phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 144 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo: Trần Ngọc N, Nguyễn Như T, Lê Văn S, Nguyễn Ngọc T, Đinh Văn H2, Đinh Văn H1, Sa Văn H, Sa Văn C, Nguyễn Văn T, Đinh Văn L.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc N 01 năm 03 tháng tù, được trừ 09 ngày tạm giữ, còn phải thi hành 01 năm 02 tháng 21 ngày, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Như T 01 năm tù, được trừ 09 ngày tạm giữ, còn phải thi hành 11 tháng 21 ngày, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Văn S 01 năm tù, được trừ 09 ngày tạm giữ, còn phải thi hành 11 tháng 21 ngày, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Sa Văn H 01 năm tù, được trừ 09 ngày tạm giữ, còn phải thi hành 11 tháng 21 ngày, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 01 năm tù, được trừ 09 ngày tạm giữ, còn phải thi hành 11 tháng 21 ngày, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn L 08 tháng tù, được trừ 09 ngày tạm giữ, còn phải thi hành 07 tháng 21 ngày, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 tháng tù, được trừ 09 ngày tạm giữ, còn phải thi hành 07 tháng 21 ngày, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn H1 08 tháng tù, được trừ 09 ngày tạm giữ, còn phải thi hành 07 tháng 21 ngày, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn H2 05 tháng tù, được trừ 09 ngày tạm giữ, còn phải thi hành 04 tháng 21 ngày, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Sa Văn C 05 tháng tù, được trừ 09 ngày tạm giữ, còn phải thi hành 04 tháng 21 ngày, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt chính đối với các bị cáo khác; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo: N, T, S, H, T, L, T, H1, H2, C kháng cáo xin được cải tạo tại địa phương.

Tại phiên toà phúc thẩm: Các bị cáo đều bổ sung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương, thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa các bị cáo đều có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình, đó là những tình tiết giảm nhẹ mới. Đề nghị HĐXX:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T, H, T, T, L, H1, H2, C, sửa bản án sơ thẩm như sau:

- Giữ nguyên hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo Nguyễn Như T, Sa Văn H, Nguyễn Ngọc T, Đinh Văn L, Nguyễn Văn T, Đinh Văn H1, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật, giao các bị cáo cho UBND xã giám sát, giáo dục.

- Xử phạt bị cáo Đinh Văn H2, Sa Văn C mỗi bị cáo 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ, giao các bị cáo cho UBND xã giám sát, giáo dục. Miễn khấu trừ thu nhập cho hai bị cáo.

- Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo: H, L, T, H1, H2, C.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng Hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo Trần Ngọc N và Lê Văn S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với hai bị cáo N, S.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Lời khai nhận tội của các bị cáo N, T, S, H, T, L, T, H1, H2, C tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ 21 giờ 30 phút đến 22 giờ 45 phút ngày 29/9/2016, tại lán cho thuê trọ của gia đình anh Nguyễn Như T ở thôn M, thị trấn Q, huyện V, Trần Ngọc N, Nguyễn Như T, Lê Văn S, Nguyễn Ngọc T, Đinh Văn H2, Đinh Văn H1, Hà Xuân H, Sa Văn H, Sa Văn C, Sòng A C1, Nguyễn Văn T, Đinh Văn L đang thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền thì bị phát hiện, bắt quả tang. Số tiền dùng vào việc đánh bạc là 7.150.000đ. Bởi hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân huyện V đã xét xử các bị cáo về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo xin được cải tạo tại địa phương của các bị cáo N, T, S, H, T, L, T, H1, H2, C, Hội đồng xét xử, xét thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ đó là: Khi phạm tội các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, các bị cáo đều phạm tội lần đầu nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; đã xử phạt bị cáo Trần Ngọc N 01 năm 03 tháng tù, Nguyễn Như T, Sa Văn H, Lê Văn S, Nguyễn Ngọc T mỗi bị cáo 01 năm tù, bị cáo Nguyễn Văn T, Đinh Văn L, Đinh Văn H 1 mỗi bị cáo 08 tháng tù, bị cáo Đinh Văn H2 và Sa Văn C mỗi bị cáo 05 tháng tù là phù hợp.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo N, H, T, L, T, H1, H2, C đều có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương. Các bị cáo H, L, T, C đều thuộc hộ nghèo. Bị cáo H1 xuất trình thêm Huân chương kháng chiến của bố bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới tại cấp phúc thẩm. Xét thấy, đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người lao động đi làm thuê. Nhiều bị cáo thuộc diện hộ nghèo và là người miền núi, trình độ hiểu biết còn hạn chế. Tất cả các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, lần đầu phạm tội, vì vậy không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo T, H, T, được hưởng án treo, các bị cáo H1, T, L, H2, C hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ giáo dục các bị cáo trở thành người tốt đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước đối với những người phạm tội biết ăn năn hối cải.

Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp, tuy nhiên các bị cáo có thêm tình tiết mới tại cấp phúc thẩm, vì vậy HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt cho hai bị cáo N, S; áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo: L, T, H1 là phù hợp, đảm bảo tính răn đe của pháp luật.

Các bị cáo T, L, C đều thuộc hộ nghèo, bị cáo H1, H2, đều thuộc huyện miền núi, không nghề nghiệp, vì vậy miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Đối với bị cáo N, S là người tham gia tích cực trong vụ án, vì vậy HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của hai bị cáo, không có căn cứ để HĐXX xem xét cho hai bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Các bị cáo H, L, T, H1, H2, C đều thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo và người thuộc vùng dân tộc thiểu số, vì vậy căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết 326 của Quốc hội, miễn án phí sơ thẩm cho các bị cáo.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên HĐXX không xem xét.

Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 248; điểm đ khoản 1 Điều 249; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Nguyễn Như T, Sa Văn H, Nguyễn Ngọc T, Đinh Văn L, Nguyễn Văn T, Đinh Văn H1, Đinh Văn H2, Sa Văn C. Sửa bản án sơ thẩm số 13/2017/HSST ngày 12/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện V như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 144 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo: Nguyễn Như T, Nguyễn Ngọc T, Sa Văn H.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Như T 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội “Đánh bạc”.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện V, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Sa Văn H 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội “Đánh bạc”.

Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện P, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội “Đánh bạc”.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 31 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 144 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Đinh Văn H1, Nguyễn Văn T, Đinh Văn L, Đinh Văn H2 và Sa Văn C. Áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo H1.

- Xử phạt bị cáo Đinh Văn L 02 năm cải tạo không giam giữ, được trừ 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 01 năm 11 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án về tội “*Đánh bạc*”.

Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Sơn La giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 năm cải tạo không giam giữ, được trừ 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 01 năm 11 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án về tội “*Đánh bạc*”.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Sơn La giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Đinh Văn H1 02 năm cải tạo không giam giữ, được trừ 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 01 năm 11 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án về tội “*Đánh bạc*”.

Giao bị cáo H1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Đinh Văn H2 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 01 năm 02 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án về tội “*Đánh bạc*”.

Giao bị cáo H2 cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện Y, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Sa Văn C 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 01 năm 02 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án về tội “*Đánh bạc*”.

Giao bị cáo C cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện Y, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo L, T, H1, H2, C.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo: Trần Ngọc N, Lê Văn S. Sửa phần hình phạt đối với bị cáo N, S tại bản án sơ thẩm số 13/2017/HSST ngày 12/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện V như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 144 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Ngọc N và Lê Văn S.

- Xử phạt bị cáo Trần Ngọc N 01 năm tù, được trừ 09 ngày tạm giữ, còn phải thi hành 11 tháng 21 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án về tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn S 09 tháng tù, được trừ 09 ngày tạm giữ, còn phải thi hành 08 tháng 21 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án về tội “Đánh bạc”.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo: Sa Văn H, Đinh Văn L, Nguyễn Văn T, Đinh Văn H1, Đinh Văn H2, Sa Văn C.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hưng Yên;
- CA, VKSND; THADS huyện V;
- TAND huyện V;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Kim Anh